

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Mã ngành: 7220201

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2068 /QĐ-ĐHNH, ngày 02 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- | | |
|--|---------------------------------|
| – Tên chương trình (Tiếng Việt): | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI |
| – Tên chương trình (Tiếng Anh): | BUSINESS ENGLISH |
| – Trình độ đào tạo: | Đại học |
| – Ngành đào tạo: | NGÔN NGỮ ANH |
| – Mã ngành: | 7220201 |
| – Hình thức đào tạo: | Chính quy tập trung |
| – Chuẩn đầu vào: | Thực hiện theo đề án tuyển sinh |
| – Thời gian đào tạo (theo thiết kế): | 04 năm (08 học kỳ) |
| – Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: | tháng 07 năm 2024 |

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Mục tiêu chương trình nhằm đào tạo cử nhân Ngành Ngôn Ngữ Anh có những phẩm chất và năng lực phù hợp triết lý giáo dục của Trường Đại học Ngân hàng là Khai phóng – Liên ngành – Trải nghiệm, có kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại, có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật; có kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu và định hướng phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội; có thái độ, phẩm chất chính trị đúng đắn, có đạo đức và tác phong chuyên nghiệp; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cho các cơ quan, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, phát triển kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.

PO2. Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển để thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

PO3. Thể hiện khả năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm, giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.

PO4. Có kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin; đề xuất, lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, và thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

PO5. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng của Ngành Ngôn Ngữ Anh và kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh thuộc hệ đại học chính quy chương trình Tiếng Anh Thương mại của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Có khả năng áp dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng phù hợp kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 2.1	Có khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn, và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Có khả năng phân tích vấn đề trong các tình huống thương mại để đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề.	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Có năng lực triển khai hoàn thành hiệu quả các công việc được phân công trong nhóm để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 3.2	Có năng lực truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong việc tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Thể hiện tinh thần tự học, tham gia nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	<i>PI 5.1</i>	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.2</i>	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.3</i>	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	<i>PI 6.1</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức liên ngành nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn.	4	
	<i>PI 6.2</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức ngôn ngữ chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.	4	
	<i>PI 7.1</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành ngôn ngữ Anh.	4	
	<i>PI 7.2</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong các lĩnh vực liên ngành.	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 08.1</i>	Có khả năng phân tích các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	PI 08.2	Có khả năng phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ cao cấp bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	4	
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	3	
	PI 10.1	Có khả năng vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề liên ngành.	3	
PLO11		Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin, đề xuất, kiến nghị, lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc... khi giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 11.1	Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin liên quan đến vấn đề chuyên môn	4	
	PI 11.2	Có khả năng đưa ra đề xuất, khuyến nghị khi giải quyết các vấn đề chuyên môn.	4	
	PI 11.3	Có khả năng lập kế hoạch chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công việc.	4	
	PI 11.4	Có khả năng đánh giá hiệu quả công việc.	4	

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Người học tốt nghiệp có thể làm việc tại các tổ chức trong nước và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng, v.v.
- Người học tốt nghiệp có thể làm việc ở các vị trí biên, phiên dịch viên thương mại và du lịch, trợ lý giám đốc ở các doanh nghiệp...
- Người học tốt nghiệp có thể giảng dạy Tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục sau khi đã bổ sung kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu công việc; có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện học văn bằng thứ hai, hệ đại học, một số liên ngành như Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng; có thể học chương trình cao học trong nước và quốc tế về ngành Ngôn ngữ Anh, Tài chính Ngân hàng, và Quản trị kinh doanh.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc). Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

- Chương trình đào tạo Tiếng Anh thương mại, Trường Đại học Assumption, Thái Lan.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

- Chương trình đào tạo Tiếng Anh Thương Mại, Trường Đại học Ngoại thương.
- Chương trình đào tạo Tiếng Anh Thương Mại, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, các phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng (Lecture)
- Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture)
- Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion)

- Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises)
- Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning)
- Phương pháp giảng dạy thông qua Phản hồi từ bạn học (Student-peer feedback)
- Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching)
- Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method)
- Giảng dạy bằng cách học khám phá (Inquiry-based or inquiry-guided learning)
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning)
- Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning)
- Giảng dạy thông qua đóng vai (Role plays)

*Ngoài ra giảng viên có thể sử dụng một số phương pháp giảng dạy khác tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế của lớp học.

11.2. Đánh giá kết quả học tập:

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9	1		20	2		17.6%
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Cơ sở ngành	16	1		51	3		43.2%
2.2	Ngành	4	1		9	3		9.6%
2.3	Chuyên ngành	7	3		22	15		29.6%
	Tổng cộng	36	6		102	23		100%

TT	Khối kiến thức giáo dục đại cương khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được giảng dạy trực tuyến..

17.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành) không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.3. Chuẩn tin học đầu ra:

Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp hoặc các chứng chỉ tin học khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Ngọc Phương Dung